TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HS-ST

Ngày: 10/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đồng Mạnh Linh và ông Trần Văn Hùng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hà Thị Mai Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2024/HSST ngày 20 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/ QĐXXST-HS ngày 26/12/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Chí T, sinh ngày 28 tháng 11 năm 1984, tại tỉnh Phú Thọ.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu B, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông: Nguyễn Đức M, sinh năm 1960; Con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960. Vợ: Đỗ Ngọc Y, sinh năm 1988; Có 02 con chung với chị Y, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019 (chị Y có một con riêng với chồng trước sinh năm 2008. Hiện đang ở cùng bị cáo). Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2011, bị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tuyên phạt 04 tháng 13 ngày tù về tội "Giết người do vượt quá mức giới hạn phòng vệ chính đáng" quy định tại Điều 96 BLHS năm 1999, theo Bản án số 07/2011/HSST ngày 24/02/2011 (đã xóa án tích).

Hiện đang tại ngoại tại khu B, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Có mặt tại phiên tòa.

* Người Bị hại:

+ Bà Lê Thị N (Đã chết ngày 05.10.2024). Nơi cư trú trước khi chết: Thôn M, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964. trú tại: Tổ E, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

* Người đại diện hợp pháp của người bị hại (bà Lê Thị N): Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1967. Trú tại: Thôn B, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Đỗ Ngọc Y, sinh năm 1988. Trú tại: Khu B, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951. Nơi ĐKHKTT: Tổ 01, Khu A, V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Chỗ ở hiện nay: Khu G, phường H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Y1, sinh năm 1969. Trú tại: Thôn M, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1975, trú tại: Thôn M, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Chí T là lái xe nhận chở đất thuê, khoảng 14 giờ 00 phút ngày 05/10/2024, T điều khiển xe ôtô tải, biển số 38C-003.70 chở đất từ nhà dân tại khu vực sân vận động T2, thuộc phường Đ, thành phố Y, đi đổ ở bãi đổ thải trên đường đi cầu V, thành phố Y. Lịch trình đường đi chở đất của T là xuất phát từ đường T đi đường Y ra đường Â và ngược lại. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi chở xong chuyến thứ nhất theo lịch trình di chuyển nêu trên, T điều khiển xe ôtô đi trên đường Y để rẽ vào đường T tiếp tục lấy đất chở đi đổ. Khi điều khiển xe ôtô đi đến khu vực đường giao nhau giữa đường Y với đường T, thuộc tổ C, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, T không chú ý quan sát mà điều khiển chuyển hướng ô tô đi sang phải để rẽ vào đường T nên đã đâm vào xe môtô biển số: 21B1-608.48 do bà Nguyễn Thị T1 điều khiển chở theo bà Lê Thị N (là mẹ đẻ của bà T1) đang di chuyển cùng chiều trên đường Y theo hướng từ trung tâm km 5 thành phố Y đi ngã tư N, khiến bánh xe phía sau bên trái của xe ôtô do T điều khiển đã chèn qua người bà N làm bà N tử vong tại chỗ. Bà Nguyễn Thị T1 bị thương được người dân đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Y để cấp cứu, điều trị. Xe môtô mang biển số 21B1 - 608.48 bị hư hỏng.

Quá trình điều tra, xác minh Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Y đã thu giữ:

*** Đồ vật, tài liệu thu giữ:**

- 01 chiếc xe môtô biển số 21B1-608.48, có số khung: RLHJ F581XGY046265, số máy: JF66E0046314 và 01 chiếc xe ôtô biển số: 38C - 00370, số khung: RNNTD61D4BCE00056, số máy: YC4E13521E0273A02144, đều đã qua sử dụng thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường;

- 01 Giấy phép lái xe hạng C, số 260189006501 mang tên Nguyễn Chí T, do Sở G cấp ngày 14/04/2023; 01 đăng ký xe ô tô số 003467 mang tên chủ xe Kiều Đình V, biển kiểm soát 38C-00370; 01 Giấy chứng nhận kiểm định số No: DB3963248 biển kiểm soát đăng ký 38C-00370, do Nguyễn Chí T tự nguyện giao nộp.

Kết quả giám định, định giá tài sản:

*Tại Bản kết luận giám định tử thi số: 614/KLGĐTT-PC09 ngày 09/10/2024 của Phòng K - Công an tỉnh Y đối với tử thi Lê Thị N, kết luận:

- Nguyên nhân dẫn đến tử vong: Đa chấn thương: dập nát tổ chức dưới da, cơ vùng hố chậu trái, chậu hông bên trái, đùi trái; gãy nhiều xương sườn, gãy xương cột sống thắt lưng, vỡ xương chậu; dập, rách ruột non, đại tràng xuống, hỗng tràng; gãy đầu dưới xương cánh tay phải.
- Cơ chế hình thành thương tích: Các vết sây sát da, bầm tím là do tác động tương hỗ với vật tày gây nên; Tổn thương tại vùng bụng bên trái, chậu hông bên trái, đùi trái và vết rách da tại tay phải là do vật tày đè ép, mài trượt một lực mạnh gây nên.

Thời gian tử vong: tính từ khi tử vong đến khi khám nghiệm, giám định trong khoảng 03 giờ.

* Tại Bản kết luận giám định số 628/KL-KTHS ngày 15/10/2024 của Phòng K - Công an tỉnh Y giám định dấu vết cơ học, kết luận:

- Xe ôtô tải mang biển số 38C-003.70 và xe môtô mang biển số 21B1-608.48 có va chạm với nhau.
- Vị trí va chạm đầu tiên của xe ôtô tải mang biển số 38C-003.70 với xe môtô mang biển số 21B1-608.48 là mặt ngoài má lốp bánh xe trước bên phải của xe ôtô tải mang biển số 38C-003.70; dấu vết va chạm đầu tiên có chiều hướng từ mặt ngoài má lốp vào tâm trục bánh xe. Vị trí va chạm đầu tiên của xe môtô mang biển số 21B1-608.48 với xe ôtô tải mang biển số 38C-003.70 là tay nâng phía sau bên trái của xe môtô mang biển số 21B1-608.48; dấu vết va chạm đầu tiên có chiều hướng từ sau ra trước.

* Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 163/KLTTCT-TTPY ngày 07/11/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Y, kết luận đối với tổn thương cơ thể của bà Nguyễn Thị T1:

- Gãy 1/3 trên xương mác cẳng chân phải: 4%.
- Gãy xương đốt bàn ngón IV bàn chân phải: 4%.
- Sẹo góc trong mi dưới mắt phải kích thước nhỏ: 3%.
- Sẹo vùng gối phải kích thước lớn: 3%.
- Sẹo mặt trước trong mu bàn chân phải kích thước lớn: 3%.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y2 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị T1 tại thời điểm giám định là 16% (mười sáu phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Cơ chế hình thành thương tích: Gãy 1/3 trên xương mác cẳng chân phải là do tác động với vật tày một lực mạnh theo hướng trực diện gây nên. Gãy xương đốt bàn ngón IV bàn chân phải là do tác động với vật tày một lực mạnh theo hướng

trực diện gây nên. Sẹo góc trong mi dưới mắt phải là do tác động với vật tày một lực vừa đủ theo hướng trực diện gây nên. Sẹo vùng gối phải là do tác động với vật tày một lực vừa đủ theo hướng trực diện gây nên. Sẹo mặt trước trong mu bàn chân phải là do tác động với vật tày một lực vừa đủ theo hướng trực diện gây nên.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 45/KL-HĐĐGTS ngày 11/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Y kết luận:

- Đối với chiếc xe môtô biển số: 21B1-608.48, số máy: JF66E0046314, số khung: RLHJF581XGY046265, đã qua sử dụng. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Y xác định tổng giá trị tài sản bị hư hỏng do tai nạn giao thông ngày 05/10/2024 là: 2.560.000 đồng.

- Đối với chiếc xe ôtô biển số: 38C-00370, đã qua sử dụng có số máy: YC4E13521E0273A02144, số khung: RNNTD61D4BCE00056. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Y xác định tại thời điểm ngày 05/10/2024 chiếc xe ôtô không bị hư hỏng.

* Sau khi xảy ra sự việc, kết quả xét nghiệm chất ma túy của Nguyễn Chí T là: Âm tính; Kết quả đo nồng độ cồn trong hơi thở của Nguyễn Chí T là 0,0 mg/l. Nguyễn Chí T có giấy phép lái xe số: 260189006501, hạng C có giá trị đến ngày 14/04/2028. Xe ôtô biển số 38C-003.70 còn thời hạn kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đến ngày 14/02/2025. Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong hơi thở đối với bà Nguyễn Thị T1 là 0.0 mg/l.

Bản cáo trạng số 04/QĐ-VKSTP ngày 18/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố Nguyễn Chí T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: Tuyên bố Nguyễn Chí T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ quản lý, giám sát, giáo dục.

Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định lại đang phải nuôi bố mẹ già và 03 con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của người bị hại; người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 BLTTHS, đề nghị HĐXX trả lại cho bị cáo 01 Giấy phép lái xe hạng C, số 260189006501 mang tên Nguyễn Chí T, do Sở G cấp ngày 14/04/2023.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại và đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận thức được hành vi do bản thân thực hiện là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai báo, không có tranh luận gì với ý kiến của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt thấp nhất. Đại diện hợp pháp của người bị hại không có tranh luận gì với ý kiến của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại; người bị hại và những người tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên toà, người bị hại Nguyễn Thị T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Y1, Nguyễn Thị O vắng mặt, nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ Điều 292 BLTTHS, Toà án xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Chí T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, vật chứng vụ án, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện giao thông; biên bản khám nghiệm tử thi, bản ảnh giám định, các bản ảnh kèm theo, kết luận giám định tử thi, kết luận giám định thương tích, kết luận giám định phương tiện và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như bản kết luận điều tra, cáo trạng, nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 05/10/2024, tại khu vực đường giao nhau, giữa đường Y và đường T, thuộc tổ C, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, Nguyễn Chí T điều khiển xe ôtô tải, biển số 38C-003.70 (T có Giấy phép lái xe hạng C, số

260189006501, do Sở G cấp ngày 14/04/2023), tham gia giao thông trên đường Y, khi T điều khiển xe ôtô chuyển hướng từ đường Y để rẽ vào đường T, do không chú ý quan sát nên đã xảy ra va chạm với xe môtô biển số: 21B1-608.48 do bà Nguyễn Thị T1 (bà T1 có giấy phép lái xe hạng A1 số 151229006598) điều khiển chở theo bà Lê Thị N đang di chuyển cùng chiều trên đường Y theo hướng từ trung tâm km5 thành phố Y đi ngã tư N, hậu quả bà Lê Thị N tử vong tại chỗ, bà Nguyễn Thị T1 bị thương tích, tổn hại 16% sức khoẻ. Hành vi do Nguyễn Chí T thực hiện đã vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2019, cụ thể Điều luật quy định: "Trong khi chuyển hướng, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải nhường quyền đi trước cho người đi bộ, người đi xe đạp đang đi trên phần đường dành riêng cho họ, nhường đường cho các xe đi ngược chiều và chỉ cho xe chuyển hướng khi quan sát thấy không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người và phương tiện khác".

Hành vi do Nguyễn Chí T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo về tội danh, Điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy:

Hành vi do bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ, làm thiệt hại đến tính mạng, sức khoẻ, tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây đau thương, mất mát cho gia đình người bị hại. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa vi phạm tham gia giao thông nói chung.

Về nhân thân: Năm 2011, T bị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tuyên phạt 04 tháng 13 ngày tù về tội "Giết người do vượt quá mức giới hạn phòng vệ chính đáng", đã được xoá án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại, bị hại; Người bị hại (bà T1) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cho hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo là người có nơi cư trú rõ ràng, là lao động chính trong gia đình, hiện đang phải nuôi dưỡng bố mẹ già và 03 con còn nhỏ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Bị cáo phạm tội do lỗi vô ý; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, sau khi phạm tội được người đại diện hợp pháp của người bị hại (bà N) làm đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy đây không được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng cũng cần xem xét để đánh giá tính chất, mức độ và ý thức khắc phục hậu

quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Với các tình tiết nêu trên, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại cộng đồng dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe và đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt.

[4] Bị cáo là người lao động tự do, công việc, thu nhập không ổn định nên miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình người bị hại - bà Lê Thị N số tiền là 100.000.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 40.560.000 đồng (trong đó có 2.560.000 đồng là tiền bồi thường do xe mô tô của bà T1 bị hư hỏng; 38.000.000 đồng là tiền chi phí điều trị tại bệnh viện, chăm sóc, bồi dưỡng, phục hồi sức khoẻ...cho bà T1). Tại phiên toà, đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt; người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên những người này đều có ý kiến không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Đây là quyền tự định đoạt của bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, đương sự nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với tổng số tiền 140.560.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi thường cho các bị hại, bị cáo T xác nhận đây là tài sản chung của vợ chồng. Chị Đỗ Ngọc Y vợ của bị cáo có ½ giá trị tài sản, tương ứng với số tiền là 70.280.000 đồng, nhưng chị Y không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền trên. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về vật chứng của vụ án và hành vi liên quan:

Đối với 01 xe môtô biển số: 21B1-608.48, có số khung: RLHJF581 XGY046265, số máy: JF66E0046314, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị T1 và 01 xe ô tô biển số: 38C-00370, số khung: RNNTD61 D4BCE00056, số máy: YC4E13521E0273A02144, đã qua sử dụng là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Nguyễn Chí T. Các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Y đã trao trả những tài sản này cho bà T1 và T là phù hợp quy định của pháp luật.

- Đối với: 01 đăng ký xe ô tô số 003467 mang tên chủ xe Kiều Đình V, biển kiểm soát 38C-00370 và 01 Giấy chứng nhận kiểm định số No: DB3963248 biển số đăng ký 38C-00370 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Y đã chuyển Đội cảnh sát giao thông Công an thành phố Y để xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Chí T. Bị cáo đã được nhận lại các giấy tờ nêu trên nên không đặt ra giải quyết.

- Đối với: 01 Giấy phép lái xe hạng C, số 260189006501 mang tên Nguyễn Chí T, do Sở G cấp ngày 14/04/2023 (bản gốc) hiện đang được lưu kèm theo hồ sơ vụ án. HĐXX thấy, giấy tờ này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên chuyển cho Cơ quan thi hành án dân sự để trả lại cho bị cáo.

- Đối với bà Nguyễn Thị T1, khi tham gia giao thông đường bộ có Giấy phép lái xe, đi đúng làn đường theo quy định, không có nồng độ cồn trong cơ thể nên không có lỗi trong việc gây ra tai nạn.

- Đối với hành vi Nguyễn Chí T mua chiếc xe ôtô biển số: 38C-003.70 nhưng không làm thủ tục đăng ký sang tên xe (để chuyển tên chủ xe trong giấy đăng ký xe sang tên của mình) theo quy định khi mua tài sản là xe ôtô, ngày 13/11/2024, Công an thành phố Y đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số G01.819.801.308-981-24-002855/QĐ-XPHC đối với Nguyễn Chí T về hành vi không làm thủ tục đăng ký sang tên xe theo quy định khi mua tài sản là xe ôtô theo quy định tại Điểm l, Khoản 7, Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính Phủ với mức tiền phạt 3.000.000đồng, là đúng quy định của pháp luật. Ngày 21/11/2024, Nguyễn Chí T đã chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính nêu trên

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về việc giải quyết nội dung vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

[8] Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[9] Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại; Người bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố Nguyễn Chí T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Chí T 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Chí T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo; trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự

Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chuyển cơ quan thi hành án dân sự thành phố Y 01 Giấy phép lái xe hạng C, số 260189006501 mang tên Nguyễn Chí T, do Sở G cấp ngày 14/04/2023 để trả lại cho bị cáo.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 BLTTHS: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKS tỉnh Yên Bái;
- VKSNDTPYB;
- CATPYB;
- Bị cáo TN (01)
- Người bị hại (01);
- Đại diện hp của bị hại (01);
- Người liên quan (04);
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THADS thành phố;
- Hồ sơ NV CATP YB;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Nguyễn Thị Thủy